

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HB  
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 29-6-2020

V/v “Tranh chấp ly hôn”.

**NHÂN DA  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HB, TỈNH BẠC LIÊU**

*- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Ngọc Diễm*

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Võ Tấn Phước

2. Ông Huỳnh Tài Em

*- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Xuyên, Thư ký Tòa án nhân dân huyện HB.*

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HB, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Văn Hữu Tuấn - Kiểm sát viên.*

Ngày 29 tháng 6 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện HB tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 46/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2020 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2020/QĐXX-ST ngày 21 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lâm Thị Kiều H, sinh năm 1985

Địa chỉ: Ấp TTA1, thị trấn HB, huyện HB, tỉnh Bạc Liêu.

2. *Bị đơn:* Anh Triệu Hoàng A, sinh năm 1981

Địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp TTA1, thị trấn HB, huyện HB, tỉnh Bạc Liêu.

Chỗ ở hiện nay: Ấp Thị Trấn B1, thị trấn HB, huyện HB, tỉnh Bạc Liêu.

*(Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Hoàng A vắng mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Nguyên đơn chị Lâm Thị Kiều H trình bày: Chị với anh Triệu Hoàng A chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn HB vào năm 2010. Vợ chồng chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và không còn chung sống với nhau. Anh chị có 01 người con chung tên Triệu Ngọc N, sinh ngày 28/10/2012, hiện nay cháu N đang sống với Chị. Vì chị với anh Hoàng A không còn chung sống với nhau khoảng 03 năm nay nên chị không còn tình cảm với anh Hoàng A. Chị cảm thấy mối quan hệ hôn nhân không thể hàn gắn được nữa. Chị yêu cầu được ly hôn với anh Triệu Hoàng A. Yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục cháu Triệu Ngọc N. Không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng

nuôi con, không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung vì anh chị không có tài sản chung và nợ chung.

Anh Triệu Hoàng A được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không rõ lý do. Đại diện địa phương xác định anh Hoàng A có hộ khẩu thường trú tại ấp TTA1, nhưng anh thường xuyên đi làm nên địa phương cũng không rõ tình trạng hôn nhân giữa anh Hoàng A và chị H như thế nào, chỉ biết hiện nay cả hai không sống cùng nhau và cháu Ngọc N đang sống cùng chị H.

Nguyện vọng của cháu Triệu Ngọc N là mong muốn được tiếp tục sống cùng mẹ và cháu cảm thấy cuộc sống của cháu vẫn ổn, cháu được đi học và phát triển bình thường.

Ý kiến của kiểm sát viên:

*Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa.

*Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:* Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định tại Điều 71 và Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

*Về nội dung:* Đề nghị áp dụng Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Lâm Thị Kiều H đối với anh Triệu Hoàng A. Giao cháu Triệu Ngọc N cho chị Lâm Thị Kiều H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Buộc chị Lâm Thị Kiều H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tra luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Triệu Hoàng A được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt. Chị Lâm Thị Kiều H được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy, sự vắng mặt của chị H và anh Hoàng A không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của anh, chị và không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh Hoàng A và chị H theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lâm Thị Kiều H và anh Triệu Hoàng A chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Hôn nhân giữa chị H và anh Hoàng A là tự nguyện và hợp pháp. Chị H xác định đã không còn sống chung với anh Hoàng A khoảng 03 năm, chị thật sự không còn tình cảm với anh Hoàng A và không thể hàn gắn được mối quan hệ hôn nhân. Cũng

theo thông tin chị H cung cấp thì chị vẫn liên lạc với anh Hoàng A qua điện thoại, chị có yêu cầu anh Hoàng A về để giải quyết vấn đề hôn nhân nhưng anh Hoàng A không đồng ý về. Hội đồng xét xử nhận thấy, cuộc sống hôn nhân giữa chị H và anh Hoàng A đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H.

[3] Về con chung: Hiện nay cháu Triệu Ngọc N đang sống với chị Lâm Thị Kiều H. Anh Triệu Hoàng A cũng không có văn bản thể hiện ý kiến đối với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị H. Cháu N có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng chị H. Hội đồng xét xử xét thấy, cần tiếp tục giao cháu N cho chị H nuôi dưỡng nhằm đảm bảo sự phát triển bình thường về mặt tinh thần cũng như ổn định môi trường sống cho cháu. Anh Triệu Hoàng A có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lâm Thị Kiều H xác định không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Những phân tích, nhận định và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với tài liệu chứng cứ cũng như phân tích, đánh giá của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí: Chị Lâm Thị Kiều H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lâm Thị Kiều H đối với anh Triệu Hoàng A.

2. Về con chung: Giao cháu Triệu Ngọc N, sinh ngày 28/10/2012 cho chị Lâm Thị Kiều H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Triệu Hoàng A có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng: Không xem xét, giải quyết.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Lâm Thị Kiều H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng. Chị H đã dự nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0005995 ngày 19/02/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện HB được chuyển thu án phí.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- VKSND huyện HB;
- Cơ quan THA huyện HB;
- Lưu: HS; VT-TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Ngọc Diễm**